

Đơn Xin Chi Phí Dọn Nhà cùng với Phí Tồn Liên Quan
Residential Claim for Moving and Related
Expenses

(49 CFR 24.301 & 24.302)

Xem trang cuối cùng để biết Tuyên Văn về Trọng Trách Trình Báo Công Khai và
Đạo Luật Quyền Riêng Tư trước khi điền đầy đủ vào mẫu này
See last page for Public Reporting Burden and Privacy Act Statements
before completing this form

Bộ Phát Triển Gia Cư và Đô Thị Hoa Kỳ (HUD)
U.S. Department of Housing and Urban Development

Văn Phòng Hoạch Định và Phát Triển Cộng Đồng
Office of Community Planning and Development

Số phê chuẩn theo OMB: 2506-0016
OMB Approval No. 2506-0016

(ngày hết hạn: 07/31/2008)
(exp. 07/31/2008)

Chỉ Dành Cho Cơ Quan ~ For Agency Use Only

Tên Cơ Quan ~ Name of Agency	Tên hoặc Số Dự Án ~ Project Name or Number	Số Hồ Sơ ~ Case Number
------------------------------	--	------------------------

Hướng dẫn: Mẫu đơn này dành cho các gia đình và cá nhân nào muốn xin tiền trả cho chi phí dọn nhà cùng với phí tồn liên quan theo Đạo Luật Thống Nhất về Các Chính Sách Trợ Giúp Chuyển Chỗ và Tậu Mua Bất Động Sản năm 1970 (URA). Quý vị có thể hội đủ tiêu chuẩn để đơn xin (1) món tiền cố định (xem 24.302), hoặc (2) tiền trả cho chi phí dời chỗ thực tế và hợp lý cùng với phí tồn liên quan (xem 24.301), hoặc (3) trong một vài trường hợp, món tiền trang trải khi kết hợp các lựa chọn dời chỗ (hãy liên lạc với Cơ Quan). Mọi đơn xin bồi hoàn phí tồn thực tế đều phải có biên lai làm chứng hoặc chứng cứ thích hợp khác. Cơ Quan sẽ trình bày những điểm khác nhau giữa các dạng lựa chọn dời chỗ và giúp quý vị điền đầy đủ vào mẫu này. HUD cung cấp thông tin về những quy định này cùng với nhiều tài liệu chỉ dẫn khác tại mạng lưới của mình - là www.hud.gov/relocation. Nếu toàn bộ số tiền ghi trong đơn xin không được phê duyệt thì Cơ Quan sẽ trao văn bản trình bày lý do cho quý vị hiểu. Nếu quý vị không hài lòng với quyết định của Cơ Quan thì có thể khiếu nại quyết định đó. Cơ Quan sẽ trình bày cách khiếu nại. Phải nộp mọi đơn xin tiền không trễ hơn 18 tháng kể từ ngày dời đi (xem 24.207(d)).

Instructions: This claim form is for the use of families and individuals applying for payment of residential moving and related expenses under the Uniform Relocation Assistance and Real Property Acquisition Policies Act of 1970 (URA). You may be eligible to apply for either (1) a fixed payment (see 24.302), or (2) payment for actual reasonable moving costs and related expenses (see 24.301), or (3) in some cases, a payment based on a combination of moving options (contact Agency). All claims for actual expenses must be supported by receipts or other acceptable evidence. The Agency will explain the differences between the types of moving options and will help you complete this form. HUD provides information on these requirements and other guidance materials on its website at www.hud.gov/relocation. If the full amount of your claim is not approved, the Agency will provide you with a written explanation of the reason. If you are not satisfied with the Agency's determination, you may appeal that determination. The Agency will explain how to make an appeal. All claims for payments must be filed no later than 18 months from the date of displacement (see 24.207(d)).

1. Họ Tên Quý Vị (Quý Vị nghĩa là (Những) Người Dời Đơn) và Địa Chỉ Thư Tín Hiện Tại Your Name(s) (You are the Claimant(s)) and Present Mailing Address	1a. (Các) Số Điện Thoại Telephone Number(s)
--	--

2. Có phải mọi người trong gia hộ đều đã dọn tới một chỗ ở chung? ☐ Có ~ Yes ☐ Không ~ No

Have all members of the household moved to the same dwelling?

(Nếu là "Không" thì liệt kê họ tên của mọi người - và địa chỉ họ đã dọn đến - tại Đoạn Ghi Chú)

(If "No", list the names of all members and the addresses to which they moved in the Remarks Section)

Chỗ Ở ~ Dwelling	Địa Chỉ (kể cả Số Căn Hộ) Address (include Apartment No.)	Số Phòng Có Đồ Nội Thất? * Number of Rooms of Furniture? *	Ngày Đến Trú Ngụ Date Occupied	Ngày Dọn Đi Date Vacated
3. Đơn Vị Nhà Ở Mà Quý Vị Dọn Khỏi Unit That You Moved From				
4. Đơn Vị Nhà Ở Mà Quý Vị Dọn Đến Unit That You Moved To		*Không kể phòng tắm, hành lang và tủ đựng đồ. *Excluding bathrooms, hallways and closets.		

5. Có phải đây là Đơn Xin Cuối? ☐ Có ☐ Không ~ Is This a Final Claim? ☐ Yes ☐ No

6. Xác Nhận Cư Trú Hợp Pháp tại Hoa Kỳ (Nên đọc phần hướng dẫn dưới đây trước khi điền đầy đủ vào đoạn này.)

Certification of Legal Residency in the United States (Please read instructions below before completing this section.)

Hướng dẫn: Muốn hội đủ tiêu chuẩn sử dụng dịch vụ tư vấn chuyển chỗ hoặc lãnh tiền dời chỗ theo Đạo Luật Thống Nhất về Các Chính Sách Trợ Giúp Chuyển Chỗ và Tậu Mua Bất Động Sản, "người bị dời chỗ" phải là công dân hay kiều dân Hoa Kỳ, hoặc ngoại kiều cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ. **Phải điền đầy đủ vào phần xác nhận dưới đây thì mới được hưởng quyền lợi chuyển chỗ.** (Xác nhận này không có bất cứ ảnh hưởng nào đối với luật lệ hiện dụng của tiểu bang về quyền lợi chuyển chỗ.) **Chữ ký của quý vị trên mẫu đơn này chính là lời xác nhận.** Xem 49 CFR 24.208(g) & (h) để biết các trường hợp ngoại lệ cho hoàn cảnh khó khăn.

Instructions: To qualify for relocation advisory services or relocation payments authorized by the Uniform Relocation Assistance and Real Property Acquisition Policies Act, a "displaced person" must be a United States citizen or national, or an alien lawfully present in the United States. **The certification below must be completed in order to receive any relocation benefits.** (This certification may not have any standing with regard to applicable State laws providing relocation benefits.) **Your signature on this claim form constitutes certification.** See 49 CFR 24.208(g) & (h) for hardship exceptions.

Chỉ ghi vào hạng mục nào (cá nhân hoặc gia đình) thích hợp với tình trạng trú ngụ của quý vị. Nên ghi chính xác số người vào mục (2).

Please address only the category (Individual or family) that describes your occupancy status. For item (2), please fill in the correct number of persons.

GIA HỘ CƯ TRÚ

(1) Cá nhân.
Tôi xác nhận mình là: (đánh dấu một mục)
_____ công dân hay kiều dân Hoa Kỳ
_____ ngoại kiều cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ

RESIDENTIAL HOUSEHOLDS
Individual.
I certify that I am: (check one)
_____ a citizen or national of the United States
_____ an alien lawfully present in the United States

(2) Gia đình.
Tôi xác nhận gia hộ của mình có _____ người, trong đó _____ là công dân hoặc kiều dân Hoa Kỳ, và _____ là ngoại kiều cư trú hợp pháp tại Hoa Kỳ.
Family.
I certify that there are _____ persons in my household and that _____ are citizens or nationals of the United States and _____ are aliens lawfully present in the United States.

7. Tính Toán Tiền Nong (Xem 49 CFR 24.301 và 24.302) ~ **Computation of Payment (See 49 CFR 24.301 and 24.302)**

Hướng dẫn: Quý vị có thể hội đủ tiêu chuẩn để đơn xin (1) món tiền cố định (xem 24.302), hoặc (2) tiền trả cho chi phí dời chỗ thực tế và hợp lý cùng với phí tổn liên quan (xem 24.301), hoặc (3) trong một vài trường hợp, món tiền trang trải khi kết hợp các lựa chọn dời chỗ (xem 24.301(b)). Bảng tính toán trong đoạn này sẽ giúp quý vị dễ tính tiền nong của mình dựa trên một hoặc nhiều lựa chọn dời chỗ kết hợp tùy vào nhu cầu và mong muốn, và còn tùy quý vị có đủ tiêu chuẩn hay không.

Instructions: You may be eligible to apply for either (1) a fixed payment (see 24.302), or (2) payment for actual and reasonable moving costs and related expenses (see 24.301), or (3) in some cases, a payment based on a combination of moving options (see 24.301(b)). The computation table in this section provides you with the ability to compute your payment based on one or a combination of moving options depending on your eligibility and your needs and desires.

Món tiền cố định được dùng để tính toán chi trả dựa trên số phòng có đồ nội thất trong chỗ ở phải dời đi. Biểu Phí Dọn Nhà Cố Định có tại www.hud.gov/relocation sẽ cho biết số tiền áp dụng tại tiểu bang là nơi xảy ra trường hợp phải dời chỗ. (Lưu ý: Đối với người trú ngụ tại nơi giống như căn phòng ký túc xá - hoặc nếu Cơ Quan sẽ lo liệu dời chỗ miễn phí cho người bị chuyển đi - thì số tiền này bị giới hạn ở mức đã định cho dạng dời chỗ như thế trong Biểu Phí Dời Chỗ Cố Định.) Nếu quý vị muốn xin món tiền cố định thì điền biểu phí hiện dụng vào cột 7c Dòng (3). Trong một vài trường hợp, người nào chỉ dự định xin khoản chi trả cố định cũng có thể hội đủ tiêu chuẩn dùng các lựa chọn dời chỗ phụ trội để dọn hết tài sản cá nhân vốn đặt bên ngoài chỗ ở và chưa tính đến trong Biểu Phí Dời Chỗ Cố Định (khung tập leo, bồn tắm nóng, v.v...), hoặc tài sản cá nhân cần có trợ giúp chuyên môn khi chuyển dời qua lại trong chỗ ở (đường hầm, bàn bi-da, trang thiết bị y tế, v.v...). Trong những trường hợp này, và đối với các hạng mục đó, quý vị cũng có thể hội đủ tiêu chuẩn lấy tiền trả dựa trên chi phí thực tế cho hãng dọn nhà thuê và/hoặc tự dọn nhà. Nền liên lạc với Cơ Quan để được giúp đỡ thêm. Nếu Cơ Quan xét thấy quý vị hội đủ tiêu chuẩn hưởng các lựa chọn dời chỗ khác ngoài món tiền cố định thì hãy điền đầy đủ mọi thông tin cần thiết vào đơn xin thích hợp cho (những) dạng lựa chọn dời chỗ đã định trong bảng.

A fixed payment is used to compute a payment based on the numbers of rooms of furniture within the displacement dwelling. The Residential Fixed Moving Cost Schedule available at www.hud.gov/relocation will provide the payment amount for the state in which the displacement occurred. (Note: for persons occupying a dormitory style room or where the move is performed by the Agency at no cost to the displaced person, the payment amount is limited to the amount specified for such moves on the Fixed Moving Cost Schedule.) If you choose to claim a fixed payment, fill in the applicable schedule amount in column 7c Line (3). In some cases, persons who plan to claim only a fixed payment may also be eligible for additional moving options to move personal property located outside the dwelling and not considered in the Fixed Moving Cost Schedule (jungle gym, hot tub, etc.) or for personal property requiring specialized moving assistance within the dwelling (piano, pool table, medical equipment, etc.). In these situations you may also be eligible for a payment based on actual costs for a commercial move and/or self move for these items. Contact the Agency for further assistance. If the Agency determines you are eligible for other moving options in addition to the fixed payment, fill in all applicable claim information requested for the type(s) of moving option specified in the table.

	7a. Thuê Dọn Nhà (Chi Phí Thực Tế) (Dựa trên mức thấp nhất của 2 giá thầu) 7a. Commercial Move (Actual Costs) (Based on Lower of 2 bids)		7b. Tự Dọn Nhà (Chi Phí Thực Tế) (Không vượt quá chi phí dọn nhà thuê) 7b. Self Move (Actual Costs) (Not to exceed cost of commercial move)		7c. Tự Dọn Nhà (Biểu Phí Cố Định) (Xem 49 CFR 24.302) 7c. Self Move (Fixed Schedule) (See 49 CFR 24.302)	
	Người Đề Đơn Claimant	Dành Cho Cơ Quan Agency Use	Người Đề Đơn Claimant	Dành Cho Cơ Quan Agency Use	Người Đề Đơn Claimant	Dành Cho Cơ Quan Agency Use
(1) Chi Phí Dời Chỗ (49 CFR 24.301(g)(1-7); xem trang 2) (Không bao gồm chi phí lưu trữ liệt kê riêng dưới đây). [Đối với Người Trú Ngụ là Chủ Sở Hữu Nhà Lưu Động: cũng bao gồm 24.301(g)(8-10), nếu áp dụng.] Moving Cost Expenses (49 CFR 24.301(g)(1-7); see page 2) (Do not include storage costs listed separately below). [For Mobile Home Owner Occupants also include 24.301(g)(8-10), if applicable.]						
(2) Chi Phí Lưu Giữ (Phải được cơ quan phê duyệt trước) (Không quá 12 tháng) Storage Cost (Requires prior agency approval) (Not to exceed 12 months)						
(3) Biểu Phí Dời Chỗ Cố Định (Dựa trên số phòng có đồ nội thất tại Mục 3). Muốn biết số tiền thì xem Biểu Phí Dời Chỗ có tại www.hud.gov/relocation. Fixed Moving Cost Schedule Amount (Based on number of rooms of furniture in Item 3). For amount see Moving Cost Schedule available at www.hud.gov/relocation.						
(4) Điều khác (Trình bày trong Đoạn Ghi Chú) Other (Explain in Remarks Section)						
(5) Tổng Số Tiền Xin. Total Amount of Claim.						
(6) Số Tiền Từng Được Cấp, nếu có. Amount Previously Received, if any.						
(7) Số Tiền Muốn Xin (Trừ dòng (6) ra khỏi dòng (5)) Amount Requested (Subtract line (6) from line (5))						
(8) Tổng Số Tiền Muốn Xin - Chỉ Tính Dời Chỗ Kết Hợp (cộng các cột 7(a)(7), 7(b)(7) và 7(c)(7) nếu áp dụng) Total Amount Requested - Combination Moves Only (add applicable columns 7(a)(7), 7(b)(7) and 7(c)(7))						

Certification By Claimant(s): I certify that the information on this claim form and supporting documentation is true and complete and that I have not been paid for these expenses by any other source. I ask that the amount on line (7) of Item 7 or line (8) of Item 7 for combination moves be paid to ☐ me ☐ the contractor(s) (as specified in the Remarks Section).

Cảnh cáo: HUD sẽ truy tố những đơn xin và lời khai giả dối. Bản án đề ra có thể là trừng phạt hình sự và/hoặc dân sự. (18 U.S.C. 1001, 1010, 1012; 31 U.S.C. 3729, 3802)
Warning: HUD will prosecute false claims and statements. Conviction may result in criminal and/or civil penalties. (18 U.S.C. 1001, 1010, 1012; 31 U.S.C. 3729, 3802)

Phần Do Cơ Quan Điền Vào ~ To Be Completed by the Agency

Cách Trang Trãi <i>Payment Action</i>	Số Tiền Trang Trãi <i>Amount of Payment</i>	Chữ Ký <i>Signature</i>	Họ Tên (viết chữ in hay đánh máy) <i>Name (Type or Print)</i>	Ngày (mm/dd/yyyy) <i>Date (mm/dd/yyyy)</i>
9. Khuyến cáo <i>Recommended</i>	\$			
10. Đã phê duyệt <i>Approved</i>	\$			

Ghi Chú ~ Remarks

Có đính thêm các tờ khác? ☐ Có ☐ Không
Additional sheets attached? ☐ Yes ☐ No

Những Phí Tồn Dồn Nhà Thực Tế và Hội Đủ Tiêu Chuẩn (49 CFR 24.301(g)(1-10))
Eligible Actual Residential Moving Expenses (49 CFR 24.301(g)(1-10))

- (1) Vận chuyển người bị dời chỗ và tài sản cá nhân. Chi phí chở đi một quãng đường xa hơn 50 dặm sẽ không hội đủ tiêu chuẩn, trừ khi Cơ Quan xét thấy có lý do xác đáng cho điều này.
Transportation of the displaced person and personal property. Transportation costs for a distance beyond 50 miles are not eligible, unless the Agency determines that relocation beyond 50 miles is justified.
- (2) Đóng gói, đóng thùng, khai gói và khai thùng chứa tài sản cá nhân.
Packing, crating, unpacking, and uncrating of the personal property.
- (3) Ngắt rời, tháo ra, dời đi, ráp lại và tái lắp nối những thiết bị dụng cụ gia hộ và tài sản cá nhân khác đã bị chuyển chỗ. Đối với các doanh nghiệp, nông trại hay tổ chức bất vụ lợi, điều này bao gồm máy móc, trang thiết bị, tài sản cá nhân thay thế, và đầu nối với những tiện ích có sẵn trong tòa nhà; điều này cũng bao gồm nhiều sửa đổi ở tài sản cá nhân - kể cả những gì là bắt buộc theo luật lệ, quy tắc hoặc sắc lệnh của liên bang, tiểu bang hay địa phương - nếu cần để thích ứng với kết cấu thay thế, địa điểm thay thế, hoặc các tiện ích tại địa điểm thay thế, và nhiều sửa đổi cần thiết để thích ứng các tiện ích tại địa điểm thay thế với tài sản cá nhân.
Disconnecting, dismantling, removing, reassembling, and reinstalling relocated household appliances and other personal property. For businesses, farms or nonprofit organizations this includes machinery, equipment, substitute personal property, and connections to utilities available within the building; it also includes modifications to the personal property, including those mandated by Federal, State or local law, code or ordinance, necessary to adapt it to the replacement structure, the replacement site, or the utilities at the replacement site, and modifications necessary to adapt the utilities at the replacement site to the personal property.
- (4) Lưu giữ tài sản cá nhân trong một thời kỳ không quá 12 tháng, trừ khi Cơ Quan xét thấy cần có thời gian dài hơn.
Storage of the personal property for a period not to exceed 12 months, unless the Agency determines that a longer period is necessary.
- (5) Bảo hiểm giá trị thay thế của tài sản cần được dời chỗ và lưu giữ.
Insurance for the replacement value of the property in connection with the move and necessary storage.
- (6) Giá trị thay thế của tài sản bị thất lạc, trộm cắp hay hư hại trong quá trình chuyển chỗ (không do lỗi hoặc sơ suất của người bị dời chỗ, đại diện hay nhân viên của người đó) khi chưa có bảo hiểm cho trường hợp thất lạc, trộm cắp hoặc hư hại như vậy trong chừng mực hợp lý.
The replacement value of property lost, stolen, or damaged in the process of moving (not through the fault or negligence of the displaced person, his or her agent, or employee) where insurance covering such loss, theft, or damage is not reasonably available.
- (7) Phí tổn khác liên quan đến dời chỗ, nếu chưa được xem là hội đủ tiêu chuẩn theo § 24.301(h) nhưng Cơ Quan xét thấy hợp lý và cần thiết
Other moving-related expenses that are not listed as ineligible under § 24.301(h), as the Agency determines to be reasonable and necessary.
- (8) Chi phí hợp lý để tháo rời, dời chỗ và ráp lại bất cứ vật phụ thuộc nào dính vào nhà lưu động, chẳng hạn như hàng hiên, sàn thượng, rìa viền và mái hiên (vốn không là đồ tậu mua), để neo buộc đơn vị nhà ở, và lệ phí “móc nối” tiện ích.
The reasonable cost of disassembling, moving, and reassembling any appurtenances attached to a mobile home, such as porches, decks, skirting, and awnings, which were not acquired, anchoring of the unit, and utility “hookup” charges.
- (9) Chi phí hợp lý để sửa chữa và/hoặc điều chỉnh để nhà lưu động có thể dời đi chỗ khác và/hoặc trở thành tươm tất, an toàn và hợp vệ sinh.
The reasonable cost of repairs and/or modifications so that a mobile home can be moved and/or made decent, safe, and sanitary.
- (10) Lệ phí (không hoàn lại) khi đi vào bãi đậu nhà lưu động - trong chừng mực không vượt quá lệ phí tại bãi đậu tương đương - nếu người đó bị dời chỗ khỏi bãi đậu này, hoặc nếu Cơ Quan xét thấy cần phải trả lệ phí để dễ chuyển chỗ.
The cost of a nonrefundable mobile home park entrance fee, to the extent it does not exceed the fee at a comparable mobile home park, if the person is displaced from a mobile home park or the Agency determines that payment of the fee is necessary to effect relocation.

Trọng trách trình báo công khai theo tiến trình thu thập thông tin này là 30 phút cho mỗi câu trả lời (ước lượng trung bình). Trong đó bao gồm thời giờ dùng để thu gom, xem lại và báo cáo dữ liệu. Thông tin được thu thập theo thẩm quyền của Đạo Luật Thống Nhất về Các Chính Sách Trợ Giúp Chuyển Chỗ và Tậu Mua Bất Động Sản năm 1970, đúng với quy định trong 49 CFR Phần 24, và sẽ dùng để xem quý vị có hội đủ tiêu chuẩn được hoàn lại chi phí dời chỗ cùng với phí tổn liên quan hay không, và nếu có thì là bao nhiêu. Cần phải hồi đáp yêu cầu cho biết thông tin này thì mới được lãnh phần trợ cấp liên quan. Cơ Quan không cần gom lấy thông tin như thế, và quý vị cũng không nhất thiết phải điền đầy đủ vào mẫu này, trừ khi trên đó ghi rõ số kiểm soát hợp lệ theo OMB.

Public reporting burden for this collection of information is estimated to average 30 minutes per response. This includes the time for collecting, reviewing, and reporting the data. The information is being collected under the authority of the Uniform Relocation Assistance and Real Property Acquisition Policies Act of 1970, and implementing regulations at 49 CFR Part 24 and will be used for determining whether you are eligible to receive for moving and related expenses and the amount of any payment. Response to this request for information is required in order to receive the benefits to be derived. This agency may not collect this information, and you are not required to complete this form unless it displays a currently valid OMB control number.

Thông Báo theo Đạo Luật Quyền Riêng Tư: Cần có thông tin này để xem quý vị có hội đủ tiêu chuẩn được hoàn lại chi phí dời chỗ cùng với phí tổn liên quan hay không. Theo luật pháp, quý vị không bị bắt buộc phải cung cấp thông tin, nhưng nếu từ chối cho biết thì quý vị sẽ không được nhận món tiền này, hoặc có thể sẽ mất nhiều thì giờ hơn mới được lãnh. Thông tin này được thu thập theo thẩm quyền của Đạo Luật Thống Nhất về Các Chính Sách Trợ Giúp Chuyển Chỗ và Tậu Mua Bất Động Sản năm 1970 (URA), đúng với quy định trong 49 CFR Phần 24. Có thể sẽ trao thông tin cho cơ quan liên bang để duyệt xét.

Privacy Act Notice: This information is needed to determine whether you are eligible to receive a payment for moving and related expenses. You are not required by law to furnish this information, but if you do not provide it, you may not receive this payment or it may take longer to pay you. This information is being collected under the authority of the Uniform Relocation Assistance and Real Property Acquisition Policies Act of 1970 (URA), and implementing regulations at 49 CFR Part 24. The information may be made available to a Federal agency for review.